

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG SẢN XUẤT CỦA CÁC NÔNG HỘ Ở HUYỆN M'DRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

Ngô Thế Sơn^{1*}, Nguyễn Thanh Phương²,

Phạm Văn Trường², H'Na Sơ Rơ Niê³, Hà Thị Phương Thảo⁴

TÓM TẮT

Bài báo này giới thiệu kết quả nghiên cứu về thực trạng phát triển rừng trồng sản xuất của các nông hộ ở huyện M'Drắk. Bằng phương pháp phân tích có sự tham gia, phương pháp thống kê kinh tế để phân tích các số liệu được thu thập từ Ủy ban Nhân dân huyện M'Drắk và khảo sát hộ gia đình tại 3 xã Cư Króa, Cư San và Ea Trang để làm nổi bật hiện trạng rừng trồng sản xuất của các nông hộ tại huyện M'Drắk. Kết quả nghiên cứu cho thấy, diện tích rừng trồng của các nông hộ trên địa bàn huyện M'Drắk năm 2019 là 5.783,1 ha, chiếm khoảng 43% so với tổng diện tích rừng trồng toàn huyện. Diện tích rừng trồng bình quân/hộ dao động từ 2,99 ha đến 4,24 ha, bình quân là 3,73 ha/hộ. Diện tích đất trồng rừng của các nông hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đạt 31,1%. Nguồn lực của nông hộ trồng rừng trên địa bàn huyện còn tương đối hạn chế. Đa số người tham gia trồng rừng của các nông hộ có trình độ văn hoá ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, trong đó khoảng 58% số người ở độ tuổi 35 - 55 tuổi. Vốn đầu tư cho trồng rừng khoảng 27,5 triệu đồng/hộ/năm. Loài cây trồng rừng của các nông hộ chủ yếu là keo lai. Cây giống trồng rừng chủ yếu là do người dân tự mua từ các nhà phân phối trung gian, không rõ nguồn gốc cây giống đem trồng. Sản lượng rừng trồng của các hộ ở huyện M'Drắk bình quân đạt 77,02 - 89,93 m³/ha, bình quân là 80,87 m³/ha. Giá trị gia tăng bình quân từ mỗi ha rừng trồng 47,46 triệu đồng. Đa số hộ trồng rừng (37,5% - 82,14%) có nhu cầu hợp tác với nhau để nâng cao hiệu quả kinh tế trong trồng rừng sản xuất tại huyện M'Drắk. Vì vậy, việc thúc đẩy hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất lâm nghiệp tại địa phương này trong thời gian tới cần được quan tâm.

Từ khóa: Keo lai, M'Drắk, nông hộ, rừng trồng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

M'Drắk là huyện miền núi, nghèo của của tỉnh Đắk Lắk, nhưng là một trong những huyện có diện tích rừng lớn nhất của tỉnh và được đánh giá có tiềm năng phát triển rừng trồng rất lớn. Hiện nay, diện tích rừng huyện M'Drắk đạt khoảng 71.384,22 ha, trong đó rừng trồng là 13.552 ha, chiếm 18,98% tổng diện tích toàn huyện. Trong những năm vừa qua, phong trào trồng rừng sản xuất phát triển rất mạnh trên địa bàn, điều này đã góp phần cải thiện sinh kế cho người dân, cũng như giúp nâng cao độ che phủ rừng...

Bên cạnh những thay đổi tích cực, hoạt động trồng rừng trên địa bàn huyện cũng còn nhiều hạn chế như: chu kỳ khai thác rừng còn ngắn, khai thác trắng khi rừng đạt 4 - 5 năm tuổi. Chất lượng rừng trồng thấp, vườn cây bị bệnh và nguồn giống không

đảm bảo, chất lượng gỗ còn thấp, giá bán thấp, khả năng đảm phán trong tiêu thụ vẫn còn hạn chế. Người dân trồng rừng mang tính chất tự phát, chưa liên kết lại với nhau nên chưa phát huy hiệu quả nghề rừng.

Xuất phát từ yêu cầu phát triển rừng trồng bền vững, nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích thực trạng phát triển sản xuất rừng trồng của các nông hộ để có căn cứ đề xuất các giải pháp phát triển rừng trồng bền vững, góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo ở huyện M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các nông hộ trồng rừng trên địa bàn huyện M'Drắk.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Thu thập số liệu thứ cấp từ các báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, niên giám thống kê... của 3 xã điều tra, từ Ủy ban Nhân dân huyện M'Drắk.

¹ Khoa Nông Lâm nghiệp, Trường Đại học Tây Nguyên

*Email: ngotheson@ttn.edu.vn

² Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên

³ Trung tâm Phát triển nông thôn Tây Nguyên

⁴ Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và PTNT II

Nghiên cứu đã lựa chọn 3 xã: Cư Króa, Cư San và Ea Trang để khảo sát phỏng vấn hộ, đây là các xã có diện tích rừng trồng lớn, thu nhập chính từ rừng trồng, tỷ lệ dân tộc thiểu số cao. Từ số liệu của 90 phiếu điều tra đã được chuẩn hóa (phỏng vấn 30 hộ/xã) với các nội dung bao gồm: các thông tin về tình hình sản xuất, kỹ thuật, nguồn lực sản xuất, thuận lợi và khó khăn trong sản xuất, các đề xuất... Số liệu sau khi được thu thập, được tổng hợp xử lý bằng phần mềm Excel.

2.2.2. Phương pháp thống kê kinh tế

Sử dụng phương pháp thống kê mô tả (so sánh tương đối, so sánh tuyệt đối) để mô tả lại các hoạt động sản xuất của nông hộ tại các xã điều tra, so sánh các đặc điểm về nông hộ như: trình độ học vấn, độ tuổi trung bình, kinh nghiệm trồng rừng, đặc điểm sử dụng vốn; kỹ thuật trồng rừng đã áp dụng của nông hộ như: căn cứ lựa chọn loài, nguồn gốc giống trồng rừng, loại đất...; sản lượng rừng trồng, năng suất bình quân... và các công cụ để đánh giá kinh tế để đánh giá kết quả cũng như hiệu quả sản xuất rừng trồng của hộ: lượng giá trị gia tăng, tỷ suất VA/IC, tỷ suất GO/IC... từ đó có các nhận định, đánh giá khái quát về thực trạng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hiệu quả sản xuất rừng trồng của các nông hộ.

Bảng 1. Diện tích rừng trồng của hộ nông trên địa bàn huyện M'Drắk năm 2019

STT	Địa phương	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	STT	Địa phương	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Xã Ea Trang	1.335,5	23,09	8	Xã Ea Lai	174,0	3,01
2	Xã Cư Króa	1.419,5	24,55	9	Xã Ea Riêng	129,0	2,23
3	Xã Cư M'ta	436,5	7,55	10	Xã Mlây	327,8	5,67
4	TT. M'Drắk	34,00	0,59	11	Xã Ea M'Doal	71,20	1,23
5	Xã Krông Jing	259,7	4,49	12	Xã Cư Prao	197,0	3,41
6	Xã Krông Á	223,5	3,86	13	Xã Cư San	1.035,4	17,90
7	Xã Ea Pil	140,0	2,42		Tổng	5.783,1	100,00

Nguồn: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện M'Drắk, năm 2020 [4]

Bảng 1 cho thấy, tổng diện tích rừng trồng của nông hộ tại huyện năm 2019 khoảng 5.783,1 ha, chiếm khoảng 43% so với tổng diện tích rừng trồng toàn huyện. Ba xã có diện tích rừng trồng lớn nhất huyện là Cư Króa, Cư San và Ea Trang với 3.790,4 ha và chiếm 65,54%, trong đó diện tích rừng trồng bình quân/hộ cao nhất là xã Cư Króa, tiếp đến là xã Cư San và cuối cùng là xã Ea Trang.

2.2.3. Phương pháp phân tích có sự tham gia

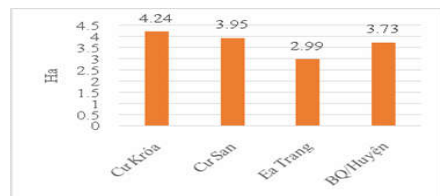
Sử dụng phương pháp ma trận SWOT để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với phát triển kinh tế hợp tác trong sản xuất rừng trồng bền vững tại huyện M'Drắk [3]. Đồng thời tham vấn các bên liên quan: đại diện các ban ngành của huyện, các xã có rừng trồng, các doanh nghiệp, các hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ lâm sản trên địa bàn để lấy ý kiến phản hồi về kết quả đánh giá cũng như đảm bảo tính khả thi của các giải pháp đề xuất.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển rừng trồng sản xuất trên địa bàn huyện M'Drắk

3.1.1. Quy mô sản xuất rừng trồng của nông hộ trên địa bàn huyện M'Drắk

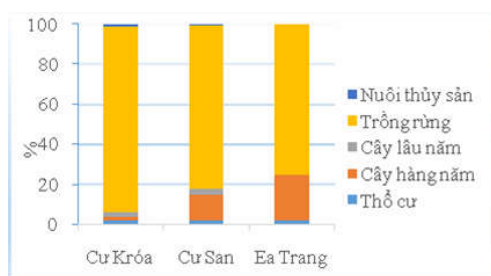
M'Drắk là huyện có nhiều lợi thế tự nhiên để phát triển trồng rừng nguyên liệu, những năm gần đây rừng trồng chủ yếu là keo. Tuy nhiên lợi thế này không giống nhau giữa các địa phương, nên quy mô sản xuất rừng trồng của nông hộ có sự khác biệt khá lớn giữa các xã. Do điều kiện địa hình, thổ nhưỡng và khí hậu của xã Cư Króa rất phù hợp với cây keo, tại xã này keo sinh trưởng và phát triển rất tốt, vì vậy đã có tình trạng phá rừng tự nhiên để lấy đất trồng keo.



Hình 1. Diện tích rừng trồng bình quân/hộ tại các xã điều tra

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

Quy mô đất đai của nông hộ cũng có sự khác biệt giữa các xã điều tra, cao nhất là xã Cư San (4,72 ha/hộ), trong đó đất trồng rừng bình quân chiếm 82,64%, tiếp đến là xã Cư Króa (4,59 ha/hộ), trong đó đất trồng rừng bình quân chiếm đến 92,49% và cuối cùng là xã Ea Trang (3,96 ha/hộ), trong đó đất trồng rừng bình quân chiếm đến 75,45%.



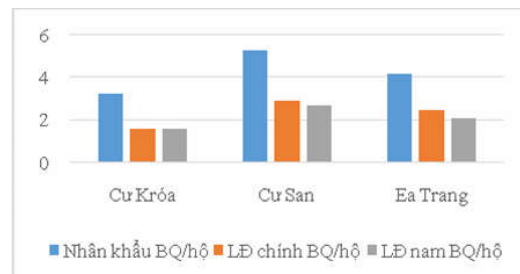
Hình 2. Tỷ lệ diện tích các loại hình sử dụng đất quân/hộ tại các xã điều tra

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

3.1.2. Nguồn lực của nông hộ trồng rừng

- Về nguồn nhân lực: Nhân khẩu bình quân/hộ ở các xã điều tra cũng chênh lệch khá lớn, cao nhất là xã Cư San: 5,28 người/hộ, tiếp đến là xã Ea Trang: 4,2 người/hộ và thấp nhất là xã Cư Króa: 3,27 người/hộ; về lao động chính bình quân/hộ cao nhất là xã Cư San: 2,91 người/hộ, tiếp đến là xã Ea Trang: 2,5 người/hộ và thấp nhất là xã Cư Króa: 1,57 người/hộ; về lao động nam bình quân/hộ cao nhất là xã Cư San: 2,69 người/hộ, tiếp đến là xã Ea Trang: 2,1 người/hộ và thấp nhất là xã Cư Króa: 1,57

người/hộ. Trong các hoạt động sản xuất rừng trồng thì nguồn lao động nam có vai trò rất quan trọng, là nhân tố quyết định đến khả năng mở rộng sản xuất rừng trồng.



Hình 3. Biểu đồ mô tả nguồn nhân lực tại các xã điều tra

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

- Về trình độ học vấn: Trình độ của các chủ hộ ở huyện M'Drăk tương đối hạn chế, số lượng người có trình độ cao đẳng - đại học chiếm tỷ trọng rất thấp (3,33 - 7,14%), nhiều chủ nông hộ không biết chữ (3,33 - 12,5%), đây là rào cản rất lớn trong việc tiếp cận các thông tin để cải thiện năng lực của họ, đặc biệt là nguồn lao động này lại chưa được qua các lớp đào tạo nghề. Trình độ của nông hộ trên địa bàn huyện M'Drăk cũng có sự khác biệt giữa các xã. Trình độ học vấn của các chủ hộ trồng rừng chưa cao, gây ảnh hưởng không nhỏ trong quá trình sản xuất của hộ như lựa chọn phương thức sản xuất, tiếp cận và áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất.

Bảng 2. Trình độ học vấn của chủ hộ sản xuất rừng trồng

Trình độ	Cư Króa		Cư San		Ea Trang		Tổng	
	SL (người)	Tỷ lệ (%)	SL (người)	Tỷ lệ (%)	SL (người)	Tỷ lệ (%)	SL (người)	Tỷ lệ (%)
Không biết chữ	1	3,33	4	12,50	-	-	5	5,56
Tiểu học	7	23,33	15	46,88	9	32,14	31	34,44
THCS	9	30,00	7	21,88	13	46,43	29	32,22
THPT	12	40,00	6	18,75	4	14,29	22	24,44
CĐ-ĐH	1	3,33	-	-	2	7,14	3	3,33
Tổng	30	100,00	32	100,00	28	100,00	90	100,00

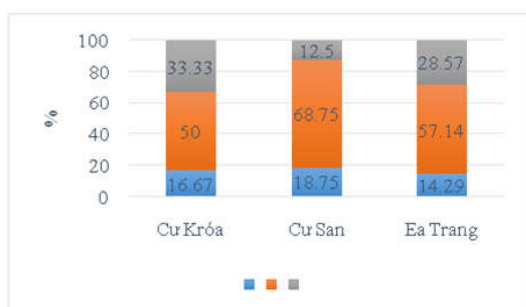
Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

Ghi chú: SL: số lượng, THCS: Trung học cơ sở, THPT: Trung học phổ thông, CĐ-ĐH: Cao đẳng - Đại học

- Về độ tuổi và kinh nghiệm sản xuất rừng trồng của hộ: Về độ tuổi của các chủ hộ sản xuất lâm nghiệp tại huyện M'Drăk, số liệu thu thập cho thấy, hơn một nửa (khoảng 58%) số chủ hộ tại địa phương

này có độ tuổi từ 35-55 tuổi. Các nông hộ đa số đã tham gia trồng rừng từ lâu (trên 5 năm) và không giống nhau giữa các xã điều tra. Có nhiều kinh nghiệm cũng là một trong những yếu tố rất quan

trợ giúp các hoạt động sản xuất lâm nghiệp của họ được tốt hơn.



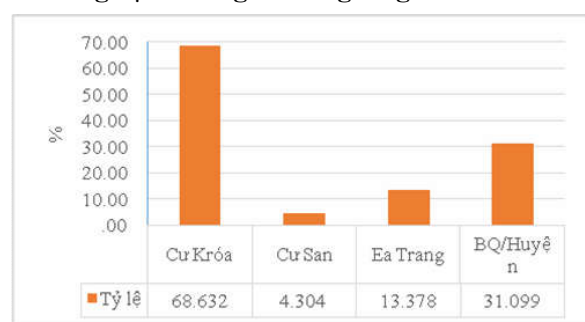
Hình 4. Độ tuổi trung bình của chủ hộ



Hình 5. Kinh nghiệm sản xuất rừng trồng của chủ hộ

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

- Về đất đai: Diện tích đất trồng rừng được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất tại huyện M'Drắk còn hạn chế, trung bình tại các xã điều tra chỉ đạt 31,1%. Tình hình cấp giấy chứng nhận sử dụng đất của có sự khác biệt lớn giữa các địa phương. Diện tích đất trồng rừng chưa được cấp giấy chứng nhận là một trong những yếu tố làm giảm động lực tham gia của các nông hộ vào công tác trồng rừng.

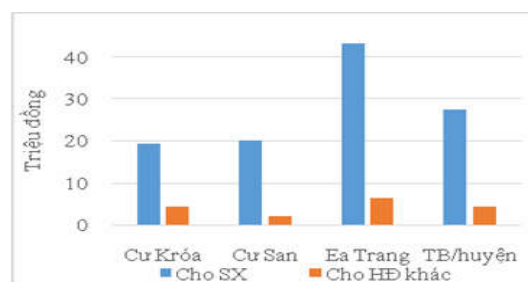


Hình 6. Tỷ lệ đất trồng rừng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

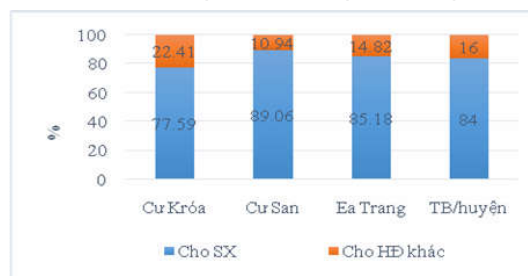
Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

- Về sử dụng vốn: Lượng vốn bình quân của mỗi nông hộ đạt khoảng 27,50 triệu đồng/hộ trong đó, lượng vốn phục vụ cho sản xuất chiếm 83,9%, còn vốn

phục vụ cho tiêu dùng và mục đích khác chiếm 16,1%. Hai xã Cư Króa và Cư San trung bình mỗi năm nông hộ đầu tư khoảng 20 triệu đồng cho sản xuất, cá biệt xã Ea Trang mỗi năm đầu tư đến hơn 43 triệu đồng cho sản xuất. Lượng vốn đầu tư trung bình/nông hộ ở các xã tuy có khác nhau nhưng chủ yếu là tập trung cho sản xuất.



Hình 7. Lượng vốn sử dụng của nông hộ

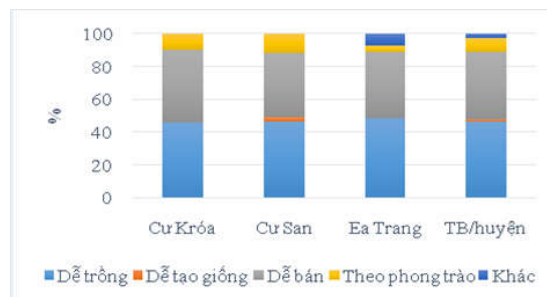


Hình 8. Tỷ lệ sử dụng vốn của nông hộ

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

3.1.3. Kỹ thuật trồng rừng

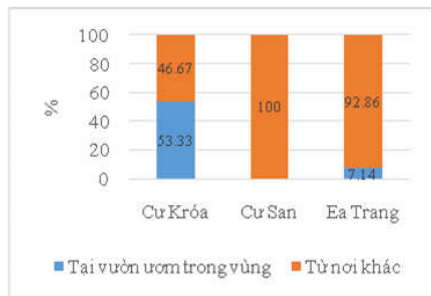
- Loài cây trồng rừng: Qua quá trình điều tra cho thấy 100% hộ điều tra trồng keo lai vì dễ trồng, dễ bán sản phẩm và hiệu quả cao hơn những loại cây rừng trồng khác. Trước đây, một số loại cây rừng khác đã được nông hộ tại đây đưa vào trồng, tuy nhiên do hiệu quả kinh tế mang lại thấp hơn keo lai rất nhiều nên những diện tích này hiện nay cũng đã được thay thế bằng rừng trồng keo lai.



Hình 9. Căn cứ để lựa chọn loài cây trồng rừng

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

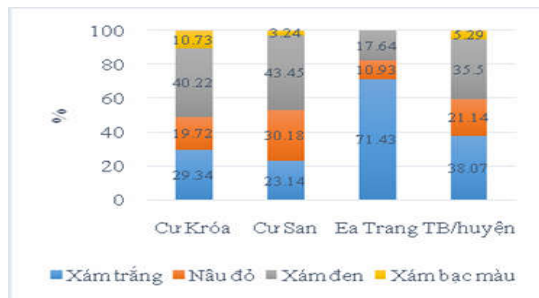
- *Giống và thông tin giống trồng rừng*: Thông tin về giống không được cung cấp đầy đủ mà chủ yếu là do nông hộ tự tìm hiểu thông qua người bán. Cây giống rừng trồng chủ yếu là mua từ nơi khác, được chuyển qua nhiều nhà phân phối trung gian trước khi nông hộ được tiếp cận nên khả năng hiểu rõ về nguồn gốc, chất lượng của giống keo của nông hộ còn khá hạn chế.



Hình 10. Nguồn cung cấp giống phục vụ trồng rừng

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

- *Loại đất trồng rừng*: Loại đất trồng rừng keo của hộ điều tra chủ yếu là đất xám trắng (chiếm 38,07%) và đất xám đen (chiếm 35,50%), chỉ có 5,29% trồng trên đất xám bạc màu. Theo các hộ điều tra, đất xám trắng và xám đen mặc dù không hiệu quả cho nhiều loại cây trồng khác nhưng đây là những loại đất thích hợp trồng keo. Trồng keo trên hai nền đất này, cây keo sinh trưởng phát triển tốt.



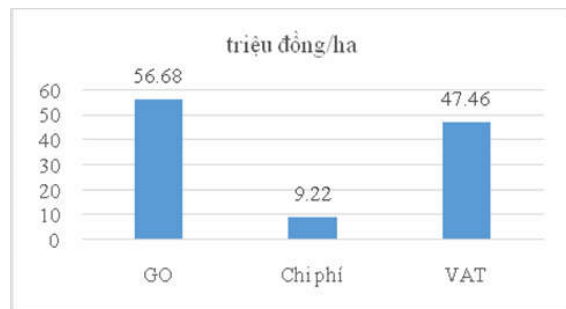
Hình 11. Đặc điểm loại đất trồng rừng

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

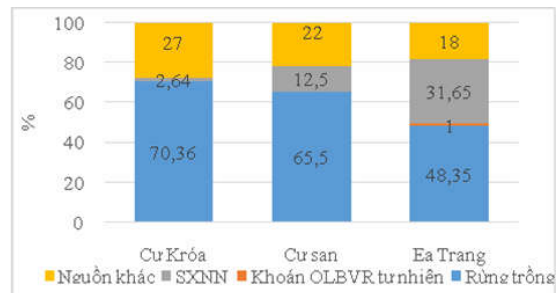
- *Kỹ thuật trồng và chăm sóc*: trình độ thâm canh thấp, kỹ thuật đơn giản, dựa trên vận dụng quy trình kỹ thuật đã được công bố [1]. Chủ yếu sử dụng sức lao động của con người, có sử dụng một số máy cơ giới nhỏ để hỗ trợ quá trình canh tác như: máy đào hố, máy phun thuốc, máy phát cỏ, cưa xăng... các loại xe cơ giới như: xe cày, xe độ được sử dụng để vận chuyển lao động, cây giống, máy móc thiết bị cũng như vận chuyển gỗ sau khai thác.

3.1.4. Sản lượng rừng và thu nhập từ rừng trồng của các nông hộ

Bình quân mỗi năm, mỗi hộ trồng rừng tại M'Drắk thu được 270,12 m³ và sản lượng gỗ bình quân/hộ cũng có sự khác biệt giữa các xã. Trong đó, Cư Króa là xã có mức sản lượng rừng trồng/hộ cao nhất, đạt 369,23 m³, Cư San là xã có mức sản lượng bình quân/hộ thấp nhất chỉ đạt 220,20 m³. Sản lượng rừng trồng của các hộ bình quân đạt 80,87 m³/ha. Sản lượng rừng trồng cao nhất tại xã Cư Króa (89,93 m³/ha), tiếp đến là xã Cư San (77,02 m³/ha), thấp nhất xã là Ea Trang (76,33 m³/ha).



Hình 12. Kết quả sản xuất trồng rừng của nông hộ



Hình 13. Cơ cấu nguồn thu của nông hộ

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

Trong các chi phí sản xuất thời kỳ cây keo kiến thiết cơ bản (1 - 3 năm tuổi) của nông hộ thì công lao động và giống chiếm tỷ trọng lớn (31,68% - 51,27%), trong đó chi phí công lao động chiếm cao nhất, khoản chi phí này bao gồm công nhà và công thuê mướn. Các chi phí khác như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không đáng kể. Trong mỗi chu kỳ rừng trồng (từ 4 đến 5 năm), bình quân mỗi héc ta keo, người dân cần phải đầu tư khoảng 9,22 triệu đồng. Với mức giá và sản lượng thu hoạch được tại thời điểm khảo sát (khoảng 700 nghìn đồng/m³), bình quân mỗi ha rừng trồng có thể tạo ra lượng giá trị gia tăng là hơn 47,46 triệu đồng. Tỷ suất VA/IC = 5,15, tỷ suất GO/IC = 6,15.

Mặc dù thời gian cây keo cho thu hoạch tương đối dài (4 - 5 năm) nhưng đây vẫn là loại cây rất quan trọng đối với nguồn thu nhập, là nguồn sinh kế chủ yếu của các hộ điều tra. Nguồn thu nhập chính của các nông hộ tại xã Cư Króa và Cư San chủ yếu từ rừng trồng, chiếm lần lượt 70,36% và 65,50%. Do keo lai được trồng với mật độ dày nên sang năm thứ 3 đã bắt đầu tía thưa nên giai đoạn này nông hộ có thu nhập từ sản phẩm tía thưa này. Diện tích keo của

nông hộ thường được trồng luân phiên nên năm nào cũng có khai thác tía thưa hoặc khai thác lấy gỗ bán và có thu nhập. Thu nhập của nông hộ tại xã Ea Trang đa dạng hơn như làm thuê cho các hộ khác hay trồng lúa, ngô, sắn, nhưng rừng trồng vẫn là nguồn thu chính, chiếm đến 48,35% tổng thu nhập.

3.1.5. Đánh giá chung tình hình sản xuất rừng trồng của nông hộ

Bảng 3. Phân tích SWOT tình hình sản xuất rừng trồng của nông hộ

<p><i>[S] Strengths (Điểm mạnh)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu) thuận lợi cho việc trồng rừng. - Người nông dân có kinh nghiệm trong sản xuất rừng trồng. - Các hộ nông dân có nguồn lao động dồi dào đáp ứng nhu cầu lao động vào các thời điểm cần nhiều lao động - Người nông dân chăm chỉ, cần cù. 	<p><i>[W] Weaknesses (Điểm yếu)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng sản xuất rừng trồng không có quy hoạch phân lô, đường đi, dẫn đến tăng chi phí khai thác vận chuyển. - Áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật còn nhiều hạn chế. - Các hộ chưa nắm vững kỹ thuật sản xuất rừng trồng theo hướng bền vững. - Trang bị phương tiện sản xuất còn hạn chế. - Nguồn giống kém chất lượng. - Nhận thức về trồng gỗ lớn và liên kết đầu tư trong cộng đồng còn hạn chế.
<p><i>[O] Opportunities (Cơ hội)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước có chính sách khuyến khích và phát triển. - Nhu cầu gỗ rừng trồng có chứng chỉ ngày càng cao. - Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, tạo điều kiện mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu. 	<p><i>[T] Threats (Thách thức)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình đồi dốc đi lại rất khó khăn - Giá cả luôn biến động. - Yêu cầu chất lượng ngày càng cao. - Tác động của biến đổi khí hậu. - Sâu, bệnh hại. - Gió lớn, bão, cháy rừng.

Qua phân tích SWOT cho thấy được những thách thức và cơ hội cho sản xuất rừng trồng hiện nay tại địa phương và là cơ sở quan trọng để đưa ra những giải pháp chủ yếu và thiết thực giúp hoạt động sản xuất rừng trồng theo hướng bền vững trong thời gian tới, trong đó nguồn nội lực của các hộ nông dân trồng keo cần được khai thác những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu còn tồn tại.

3.2. Giải pháp thúc đẩy phát triển rừng trồng tại M'Drăk

3.2.1. Nâng cao nhận thức và năng lực cho các hộ trồng rừng

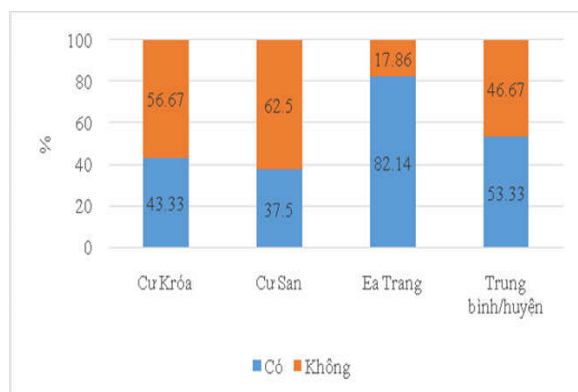
- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của các hộ trồng rừng về ý nghĩa, vai trò và lợi ích của trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ rừng.

- Tập huấn và chuyển giao kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn cho hộ trồng rừng.

- Hướng dẫn xây dựng vườn ươm tại chỗ nhằm tạo nguồn giống có chất lượng và giá thành hạ cung cấp cho cả vùng.

3.2.2. Thúc đẩy hợp tác, liên kết ngang trong trồng rừng

Các hộ sản xuất lâm nghiệp có nhu cầu hợp tác lại với nhau trong các lĩnh vực như: mua vật tư đầu vào, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, sản xuất theo chuỗi, làm đường khai thác, tiêu thụ sản phẩm... để nâng cao hiệu quả kinh tế trong trồng rừng sản xuất tại huyện M'Drăk. Tuy nhu cầu tham gia tổ hợp tác/hợp tác xã của nông hộ có sự khác biệt khá lớn giữa các xã điều tra, dao động từ 37,5% đến 82,14%, nhưng đây là cơ sở quan trọng để thúc đẩy hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất lâm nghiệp tại địa phương này trong thời gian tới.



Hình 14. Nhu cầu hợp tác trong sản xuất trồng rừng của nông hộ

Nguồn: Số liệu điều tra, 2020

Thúc đẩy phát triển liên kết ngang thông qua xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã tạo nên vùng nguyên liệu rừng trồng có quy mô sản lượng lớn, chất lượng đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật để có chứng chỉ và yêu cầu của thị trường, tạo cơ sở để đàm phán với các nhà tiêu thụ.

3.2.3. Thúc đẩy liên kết dọc với các cơ sở tiêu thụ các sản phẩm có chất lượng cao

Trên cơ sở vùng nguyên liệu có quy mô diện tích và sản lượng lớn, sản xuất rừng trồng có chứng chỉ thúc đẩy liên kết với các cơ sở tiêu thụ có nhu cầu các sản phẩm gỗ có chất lượng cao, có nguồn gốc để chế biến xuất khẩu. Đảm bảo thu nhập cho người trồng rừng và rừng trồng phát triển theo hướng bền vững.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

- Diện tích rừng trồng của các nông hộ trên địa bàn huyện M'Drắk năm 2019 là 5.783,1 ha, chiếm khoảng 43% so với tổng diện tích rừng trồng toàn huyện. Diện tích rừng trồng bình quân/hộ giao động từ 2,99 ha (xã Ea Trang) đến 4,24 ha (xã Cư Króa), bình quân là 3,73 ha/hộ. Diện tích đất trồng rừng của các nông hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đạt 31,1%.

- Nguồn lực của nông hộ trồng rừng trên địa bàn huyện còn tương đối hạn chế. Đa số người tham gia trồng rừng của các nông hộ có trình độ văn hoá ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, trong đó khoảng 58% số người ở độ tuổi 35-55 tuổi. Vốn đầu tư cho trồng rừng khoảng 27,5 triệu đồng/hộ/năm.

- Loài cây trồng rừng của các nông hộ chủ yếu là keo lai. Đất trồng rừng chủ yếu là đất xám trắng (38,07%) và xám đen (35,50%). Cây giống trồng rừng chủ yếu là do người dân tự mua từ các nhà phân phối trung gian nên không nắm rõ về nguồn gốc cũng như chất lượng của cây giống đem trồng.

- Sản lượng rừng trồng của các hộ ở huyện M'Drắk bình quân đạt 80,87 m³/ha. Sản lượng rừng trồng cao nhất tại xã Cư Króa (89,93 m³/ha), tiếp đến là xã Cư San (77,02 m³/ha), thấp nhất xã là Ea Trang (76,33 m³/ha). Giá trị gia tăng bình quân từ mỗi ha rừng trồng 47,46 triệu đồng.

- Đa số hộ trồng rừng (37,5% đến 82,14%) có nhu cầu hợp tác lại với nhau trong các lĩnh vực mua vật tư đầu vào, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, sản xuất theo chuỗi, làm đường khai thác, tiêu thụ sản phẩm... để nâng cao hiệu quả kinh tế trong trồng rừng sản xuất tại huyện M'Drắk.

4.2. Kiến nghị

Để rừng trồng ở huyện M'Drắk phát triển theo hướng bền vững góp phần nâng cao thu nhập và giảm nghèo đối với người trồng rừng cần phải: (i) Nâng cao nhận thức và năng lực của hộ trồng rừng thông qua tuyên truyền và hướng dẫn kỹ thuật; (ii) Thúc đẩy phát triển liên kết ngang, liên kết dọc; (iii) Giải quyết mâu thuẫn trong quyền sử dụng đất giữa các tổ chức được giao đất nhưng sử dụng không hiệu quả và nhu cầu sử dụng đất của người dân; (iv) Đẩy nhanh tiến trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như là một yếu tố tạo nguồn vốn cho phát triển sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2019. *Hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn đối với loài cây keo lai và keo tai tượng*. Ban hành theo Quyết định số 2962/QĐ-BNN-TCLN, trang 1-5.
2. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2019. *Niên giám Thống kê năm 2019*.
3. Marion Doshier, Otis Benepe, Albert Humphrey, Robert F. Stewart, Birger Lie, 1964. *"SWOT Analysis Model"*. Stanford Research Institute International.
4. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện M'Drắk, 2020. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020, phương hướng năm 2021.

**THE SITUATION OF THE DEVELOPMENT OF PLANTATION FOREST
IN M'DRAK DISTRICT, DAK LAK PROVINCE**

Ngo The Son, Nguyen Thanh Phuong,

Pham Van Truong, H'Na So Ro Nie, Ha Thi Phuong Thao

Summary

This paper studies the situation of the development of plantation forests of households in M'Drak district. Data were collected from the People's Committee of M'Drak district and household survey in three communes: Cu Kroa, Cu San and Ea Trang. Study results showed that in 2019 the plantation forest area of households in M'Drak district was 5,783.1 ha, accounting for about 43% of the total plantation forest area of the whole district. The plantation forest area per household was from 2.99 to 4.24 ha, with an average of 3.73 ha. The rate of plantation forest area with land use right certificates only reached 31.1%. Additionally, the resources of survey households in the district are still limited. The majority of household heads had educational backgrounds of primary and secondary school, and householders with ages of 35 - 55 accounted for 45%. The average cost for investing in plantation forest was nearly 27.5 million VND/household/year. Acacia hybrid was planted commonly in the forest of the households. Planting seedlings, unclear origin, were mainly bought from intermediary distributors. The wood production of plantation forests of households was from 77.02 to 89.93 m³/ha, with an average of 80.87 m³/ha. The average added value per hectare of plantation forest was 47.46 million VND. The majority of households having plantation forests, from 37.5% to 82.14%, wanted to cooperate to improve effectiveness and efficiency in plantation forest. Therefore, promoting the formation of household groups and cooperatives for forestry production in the locality should be concerned.

Keywords: *Acacia hybrid, Mdrak, households and plantation forests.*

Người phản biện: PGS.TS. Bùi Thế Đồi

Ngày nhận bài: 10/8/2021

Ngày thông qua phản biện: 10/9/2021

Ngày duyệt đăng: 17/9/2021